

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 13-6-2021  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Phương  
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Khánh Linh – Kiểm sát viên

-Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng A - Sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng C Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C (vắng mặt)

Địa chỉ: phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C- Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

+ Ngân hàng H Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Huyền T – Trưởng phòng giao dịch số 3, Chi nhánh Phú Thọ Ngân hàng H Việt Nam (vắng mặt)

Địa chỉ: phòng giao dịch số 3, Chi nhánh Phú Thọ Ngân hàng H Việt Nam Thị trấn C, huyện C, Phú Thọ

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960

Đều có địa chỉ: Khu Đ, thị trấn C, huyện C, Phú Thọ

(ông L, bà L vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1960

Địa chỉ: khu V 3, thị trấn C, huyện C, Phú Thọ (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. (Do khi lưu trữ giấy đăng ký kết hôn bị mất nên ngày 20/12/2014 đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã S). Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh A. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng lối sống sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần anh A chửi mắng, đánh đập chị D. Ngoài ra chị D còn cho rằng chị và anh A còn có mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị D và Anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C - Sinh ngày 27/01/2011 và cháu Nguyễn Quỳnh T - Sinh ngày 16/02/2014. Quá trình giải quyết vụ án, chị xin được nuôi cả hai con chung, không đề nghị Anh A phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Tại phiên tòa, chị xin được nuôi cháu T, đồng ý để Anh A được nuôi cháu C theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng A chị có những tài sản chung sau: 01 Chiếc xe máy Honda Wave, đăng ký xe đứng tên anh Nguyễn Hoàng A và 01 Chiếc xe máy Honda Lead, đăng ký xe đứng tên chị Nguyễn Thị D; 01 Ngôi nhà cấp 4 diện tích 140 m<sup>2</sup> trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ chị D (là ông Nguyễn Văn L – Sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị L – Sinh năm 1960, đều ở địa chỉ: Khu Đ, thị trấn C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ). Diện tích đất này hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bản tự khai và phiên hòa giải, chị D và Anh A thỏa thuận để chị D sử dụng 01 chiếc xe Honda nhãn hiệu Lead và ngôi nhà xây. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, chị D, rút yêu cầu về đề nghị giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị D xác nhận vợ chồng còn nợ những người sau:

Vay của Ngân hàng H Việt Nam Chi nhánh C, tỉnh Phú Thọ số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Hiện chị D đã trả được một phần gốc, còn nợ lại ngân hàng là 122.500.000đ; Vay của Ngân hàng C chi nhánh C, Phú Thọ số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng); Vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 270.000.000đ; Vay của bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Quá trình hòa giải, chị D và Anh A thỏa thuận: chị D có trách nhiệm trả nợ ngân hàng H Việt Nam và khoản nợ 300.000.000đ của ông L, bà L; Anh A trả nợ Ngân hàng C Việt Nam và khoản nợ 270.000.000đ của bà T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu đề nghị tòa án giải quyết về công nợ giữa vợ chồng chị với bà T và ông L, bà L. Chị và Anh A cùng ông L và bà L, bà T sẽ tự thỏa thuận giải quyết về các khoản nợ này, không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với các khoản nợ của ngân hàng, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đã thỏa thuận với Anh A, chị sẽ có trách nhiệm trả nợ ngân hàng H Việt Nam, còn Anh A có trách nhiệm trả nợ ngân hàng C.

Về công sức: không có, không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, A Nguyễn Hoàng A trình bày: A kết hôn với chị D trên cơ sở tự nguyện như chị D đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế làm ăn bị thua lỗ. Chị D xin ly hôn, quan điểm của Anh A mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị D kiên quyết xin ly hôn A cũng nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng A chị có 02 con chung như chị D đã trình bày. Khi ly hôn A xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng có các tài sản như chị D đã trình bày. Tại phiên hòa giải A và chị D đã thỏa thuận về chia tài sản. Tại phiên tòa, chị D xin rút yêu cầu đề nghị giải quyết về tài sản, hai bên tự thỏa thuận A cũng nhất trí, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Như chị D trình bày là đúng. Tại phiên tòa, chị D rút yêu cầu đề nghị giải quyết công nợ của vợ chồng đối với các khoản nợ của bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn L (bố mẹ đẻ chị D), khoản nợ của bà Nguyễn Thị Kim Thu (mẹ đẻ Anh A) số tiền 270.000.000đ A cũng nhất trí ý kiến rút yêu cầu của chị D. Đối với các khoản nợ ngân hàng, A nhất trí đề nghị phân chia người trả nợ của chị D.

- Về công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 28/12/2020 và bản tự khai ngày 13/5/2021, ông Nguyễn Văn X – Giám đốc phòng giao dịch Ngân C huyện C (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CSXH Việt Nam) trình bày:*

Chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A (khu T, thị trấn C, huyện C, Phú Thọ ) có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 09/3/2018 vay số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) với thời hạn vay là 60 tháng. Thời hạn cuối trả nợ là 16/02/2023

Ngày 16/6/2019 vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 60 tháng. Thời hạn cuối trả nợ là 16/05/2024

Tổng cộng chị D, Anh A còn nợ ngân hàng số tiền 62.000.000đ tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử (13/5/2021) là 61.151 đồng

Nay chị D và Anh A xin ly hôn, ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị D và Anh A có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lại phát sinh theo khế ước nhận nợ đã ký với Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C.

*Tại bản tự khai ngày 23/4/2021 và bản tự khai ngày 13/5/2021, bà Phạm Thị Huyền T – Trưởng phòng giao dịch số 03 – Ngân hàng H Việt Nam Chi nhánh Phú Thọ (đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng H Việt Nam) trình bày:*

Ngày 28/5/2020, phòng giao dịch số 03 Ngân hàng H Chi nhánh Phú Thọ giải quyết cho chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay là 60 tháng; Loại hình vay là tín chấp lương.

Tính đến ngày 13/5/2021, chị D và Anh A còn nợ số tiền gốc là 122.500.000đ và lãi phát sinh là 521.756đ

Nay chị D và Anh A ly hôn, Ngân hàng có quan điểm chị D và Anh A phải có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai, bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày:*

Năm 2019, ông L và bà Thu cho chị D và Anh A xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên phần đất của ông bà nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ năm 2015 đến nay, chị D, Anh A có nhờ ông bà vay ngân hàng hộ số tiền 300.000.000đ. Khi vay A chị có nói mục đích sử dụng số tiền làm cửa hàng máy tính của hai vợ chồng. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Trước thời điểm mở phiên tòa, ông L đề nghị được tự thỏa thuận với chị D và Anh A về tài sản, khoản nợ trên, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Kể từ năm 2013 đến năm 2017, bà nhiều lần vay hộ tiền cho chị D và Anh A, tổng số tiền A chị nợ bà là 270.000.000đ; Ngoài ra bà còn trả nợ hộ A chị số tiền là 30.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ trên theo quy định pháp luật. Trước thời điểm mở phiên tòa, bà T đề nghị được tự thỏa thuận với chị D và Anh A về các khoản nợ trên, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, e khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D A Nguyễn Hoàng A.

+ Về con chung: Giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh T; Anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh C. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của chị D và Anh A do chị D đã rút yêu cầu tại phiên tòa.

+ Về công nợ: Chị D có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch số 3 Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Phú Thọ số tiền 122.500.000đ tiền nợ gốc và lãi phát sinh; A Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng C chi nhánh huyện C số tiền 62.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh. A Nguyễn Hoàng A không phải thanh toán tiền chênh lệch về nghĩa vụ trả nợ do chị D không yêu cầu. Đình chỉ yêu cầu đề nghị giải quyết khoản nợ của chị D, Anh A đối với bà Thu và khoản nợ đối với ông L, bà L do chị D rút yêu cầu tại phiên tòa.

+ Về công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí nghĩa vụ về tài sản; A Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị D và Anh A đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, những người có quyền L nghĩa vụ liên quan (bà Thanh – người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng H Việt Nam; ông X người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng C Việt Nam) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Ông L, bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền L nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

\* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ năm 2010. Do việc lưu trữ giấy tờ bị mất nên ngày 20/12/2014 các bên đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn lại. Việc kết hôn giữa chị D và Anh A là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D và Anh A có những bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày; vợ chồng làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ thị trấn Cẩm Khê xác định quá trình chị D, Anh A sinh sống ở địa phương có mâu thuẫn, có lần Anh A đã đập phá đồ đạc trong nhà. Hiện nay, A chị đã sống ly thân nhau. Mặc dù Anh A có nguyện vọng xin được đoàn tụ, nhưng Anh A không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, Anh A thay đổi quan điểm, nhất trí ly hôn với chị D. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng chị D, Anh A không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và Anh A là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Chị D và Anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 27/01/2011 và cháu Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 16/02/2014. Chị D và Anh A đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung và không đề nghị bên kia phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị D đồng ý để Anh A nuôi cháu C theo nguyện vọng của con. HĐXX xét thấy, chị D và Anh A đều có việc làm, tuy nhiên việc giao cả 02 cháu cho một bên nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế. Hơn nữa, cháu Nguyễn Quỳnh C có nguyện vọng được ở với bố, cháu Nguyễn Quỳnh T có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Chi cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu đồng thời cũng để đảm bảo các cháu đều được chăm sóc, nuôi dưỡng một cách tốt nhất. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

\* Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị D và Anh A xác định vợ chồng có tài sản là 02 xe máy. Còn 01 nhà xây cấp 4 được xây trên đất của ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị L, chị D xác định đó là tài sản chung chị đề nghị được sở hữu; Anh A xác định ngôi nhà xây là tài sản riêng của chị D. Tại phiên tòa, chị D xin rút yêu cầu đề nghị giải quyết về tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết. A Nguyễn Hoàng A nhất trí việc chị D rút yêu cầu đề nghị giải quyết về tài sản. Xét đình chỉ yêu cầu của chị D đề nghị giải quyết về tài sản chung vợ chồng là phù hợp.

\* Về công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản): Chị D và Anh A thống nhất vợ chồng còn nợ: ngân hàng C huyện C số tiền 62.000.000đ; nợ Ngân hàng H Việt Nam Chi nhánh Phú Thọ phòng giao dịch số 3 số tiền 122.500.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh; nợ ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị L số tiền 300.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 270.000.000đ. Tại phiên hòa giải, chị D và Anh A thống nhất chị D trả nợ Ngân hàng H số tiền 125.000.000đ và lãi phát sinh + trả cho bà L, ông L số tiền 300.000.000đ; Anh A có trách nhiệm trả cho bà T 270.000.000đ và Ngân hàng CSXH số tiền 62.000.000đ đồng thời sẽ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản, công nợ cho chị D. Tuy nhiên, trước thời điểm mở phiên tòa, chị D, bà T, ông L đều có đề nghị xin được tự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ, không đề nghị giải quyết các khoản nợ trên. Chị D rút yêu cầu đề nghị giải quyết về công nợ đối với bà T, ông L và bà L. Xét việc rút yêu cầu đề nghị của chị D về việc giải quyết các khoản nợ trên là sự tự nguyện và được Anh A, ông L, bà Thu nhất trí, vì vậy HĐXX xem xét đình chỉ yêu cầu đề nghị giải quyết các khoản nợ chung vợ chồng với bà T, ông L và bà L là phù hợp.

Đối với các khoản nợ ngân hàng, xét giao chị D trả Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Phú Thọ khoản nợ 122.500.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết; giao cho Anh A trả ngân hàng C Việt Nam chi nhánh huyện C số tiền 62.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh. A Nguyễn Hoàng A không phải thanh toán chênh lệch về nghĩa vụ đối với tài sản do chị D không yêu cầu.

\* Về công sức: Các bên không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí nghĩa vụ về tài sản chung; Anh A phải chịu án phí nghĩa vụ về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 55, 58, 60, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 218; Khoản 2 Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm a, e khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D A Nguyễn Hoàng Anh.



2. *Về con chung*: Giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh T- sinh ngày 16/02/2014, A Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh C- sinh ngày 27/01/2011 kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con chung thành niên (18 tuổi), lao động tự túc được; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia. Chị D, Anh A đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ)*:

- Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H Việt Nam chi nhánh Phú Thọ- phòng giao dịch số 3 số tiền 122.500.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2021) là 521.756đ (năm trăm hai mươi một nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng chẵn)

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, chị D còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số TDYTC 00035 ngày 28/5/2020 đã kí kết giữa Ngân hàng H Việt Nam – Phòng giao dịch số 3 huyện Cẩm Khê với chị Nguyễn Thị D và A Nguyễn Hoàng A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.*

- A Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C Việt Nam- Phòng giao dịch NH CSXH huyện C số tiền nợ gốc là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng chẵn) và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/5/2021) là 61.151đ (sáu mươi một nghìn một trăm năm mươi một đồng chẵn)

*Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, A Nguyễn Hoàng A còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay, thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho bên vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất bên cho vay.*

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đề nghị giải quyết chia tài sản chung của chị D và Anh A, đề nghị giải quyết về nghĩa vụ chung tài sản (công nợ) của vợ chồng đôi với bà Nguyễn Thị Kim T, ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị L khi ly hôn. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với các

phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 6.151.000đ (sáu triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí nghĩa vụ về tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003788 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị D còn phải nộp 6.151.000đ (sáu triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí. A Nguyễn Hoàng A phải chịu 3.103.000đ (Ba triệu một trăm linh ba nghìn đồng) án phí nghĩa vụ về tài sản chung.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D, Anh A, bà Thu có mặt có quyền kháng cáo; những người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

VKSND tỉnh, huyện CK;  
- Đương sự;  
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;  
- UBND tt C;  
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hà Thanh Loan**